

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÝ NHÂN  
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 14-4-2023  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Thành Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Hải Hà và bà Nguyễn Thị Quyên.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân tham gia phiên tòa:**  
Bà Đinh Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T; lời khai của bị đơn anh Nguyễn Thành L trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thanh T kết hôn với anh Nguyễn Thành L hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 10 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam, sau đó được hai gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục, tập quán tại địa phương. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn.

*Chị T cho rằng:* Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ chồng ở xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam. Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, tiền bạc, chi tiêu giữa hai vợ chồng nên vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi nhau; mặc khác, vợ chồng lấy nhau được 01 năm mà chưa có con nên tình cảm

vợ chồng bắt đầu rạn nứt, chị bàn với anh L để vợ chồng cùng đi khám nhưng anh L lảng tránh, không muốn đi. Đến khoảng tháng 10 năm 2021, chị xin phép anh L và gia đình chồng cho chị về nhà mẹ đẻ ở thị trấn M, huyện M, tỉnh Điện Biên chơi vài ngày, anh L không quan tâm gì đến chị nên khi anh L gọi điện báo chị về thì chị không muốn về nữa vì thấy tình cảm vợ chồng không còn. Chị xác định vợ chồng ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Thành L.

*Anh Nguyễn Thành L cho rằng:* Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống cùng nhà với bố mẹ anh, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, xô xát do chị T còn trẻ nên việc ăn nói, cư xử với gia đình chồng không đúng mực, nhiều lần anh góp ý nhưng chị T không nghe nên có lần vợ chồng mâu thuẫn, chị T cãi lại anh, bực tức, anh có mắng, chửi và tát chị T một cái. Đến khoảng tháng 5 năm 2021 chị T xin phép về nhà mẹ đẻ chơi vài ngày. Khoảng 01 tháng sau, anh gọi điện báo chị T về nhưng chị T không về, anh đã đi tìm chị T nhưng chị T cương quyết không muốn về chung sống cùng anh. Vì vậy, vợ chồng anh ly thân từ đó cho đến nay, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T đề nghị được ly hôn với anh, anh cũng nhất trí ly hôn với chị T.

- *Về con chung:* Chị T và anh đều xác nhận vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Toà án phải giải quyết.

- *Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác:* Chị T và anh L đều xác định không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh L vắng mặt không có lý do; chị T có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

*\* Tại phiên tòa:*

- Vắng mặt các đương sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân có quan điểm như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T và anh L đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị giải quyết ly hôn giữa chị T và anh L theo quy định tại các Điều 51, 55 Luật hôn nhân gia đình. Về con chung, tài sản, công nợ chung và các vấn đề khác: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, đủ cơ sở xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thành L đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự như ý kiến của đại diện viện kiểm sát.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thành L là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn ngày 16/10/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện L, tỉnh Hà Nam.

Chị T và anh L cùng xác nhận: Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nhưng đôi bên đều đưa ra nguyên nhân mâu thuẫn là khác nhau. Chị T và anh L đã ly thân từ tháng 10 năm 2021 cho đến nay, không quan tâm tới cuộc sống chung, chị T đề nghị được ly hôn với anh L, anh L cũng nhất trí ly hôn với chị T. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh L không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thành L.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Nguyễn Thành L mỗi người phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0001858 ngày 08 tháng 02 năm 2023, chị T được hoàn lại 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện Lý Nhân;
- UBND xã Đ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Đình Thành Nam**